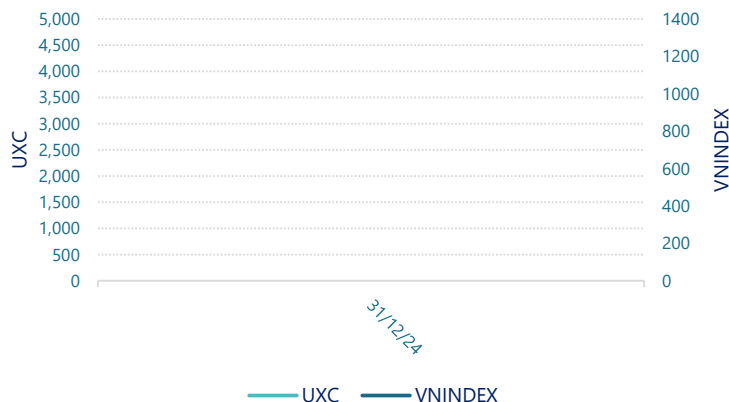


CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi (UPCOM: UXC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	166
P/E	-4.4
EPS	-1,062

DT thuần

Q4/24

69.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼205 | -74.6%

YoY: ▼31.2 | -30.9%

LN sau thuế

Q4/24

-23.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00 | -51.6%

YoY: ▼9.50 | -67.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.0%

+/- YoY: ▲ 14.1%

DT thuần

2024

584

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 245 | 72.2%

LN sau thuế

2024

-37.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.8 | 55.5%

ROE

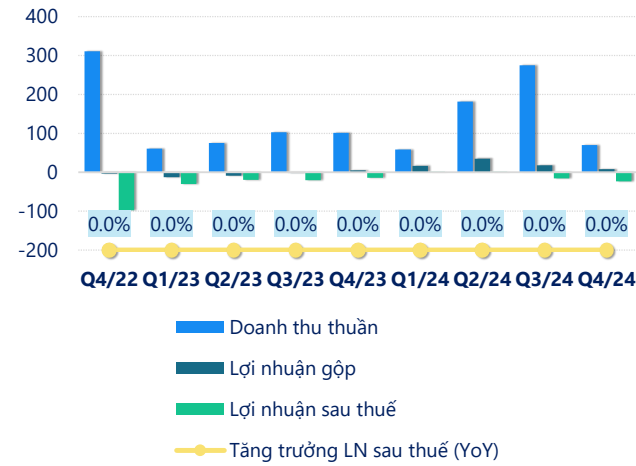
2024

54.0%

+/- YoY: ▼ 919%

tỷ VNĐ

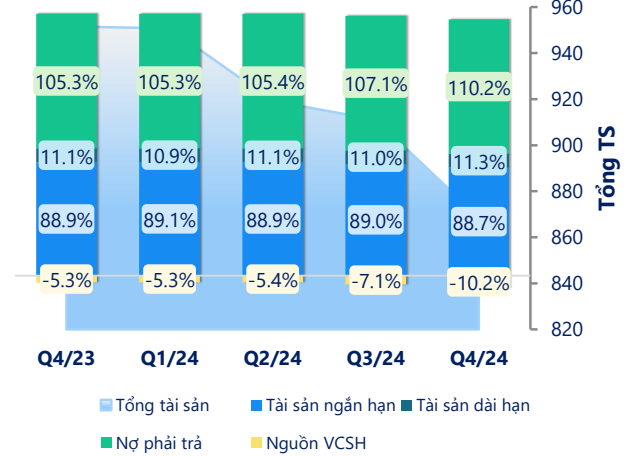
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

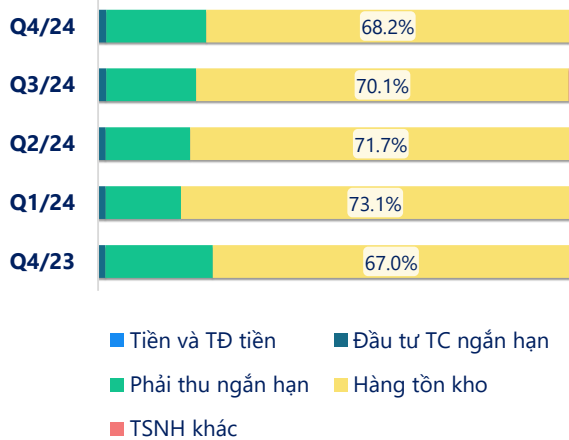
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



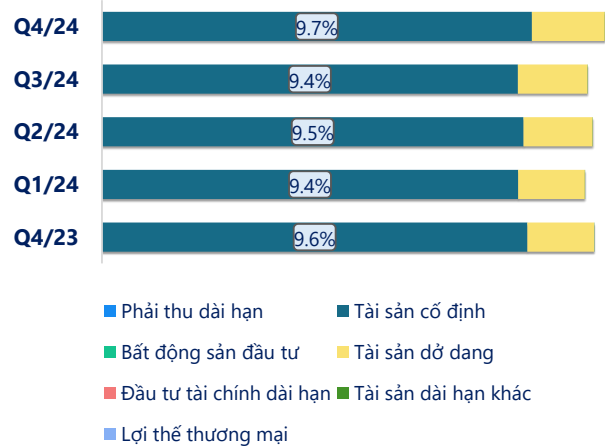
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

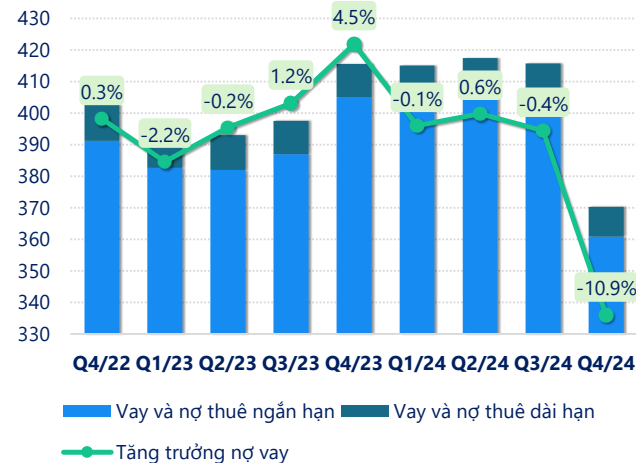
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

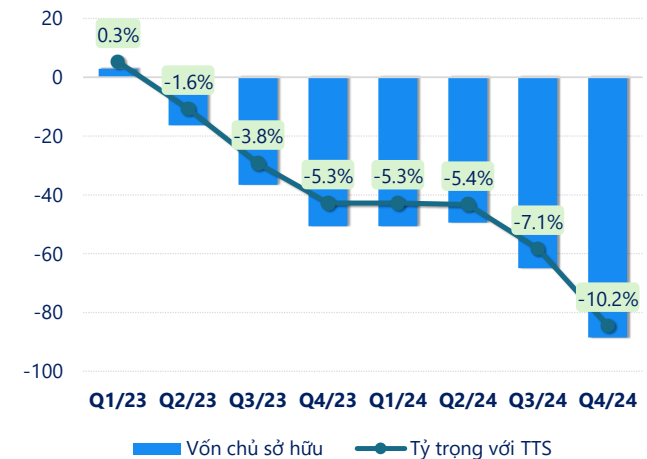
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

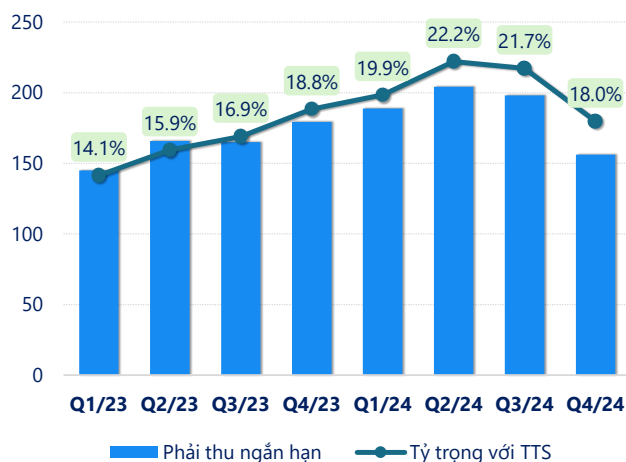
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



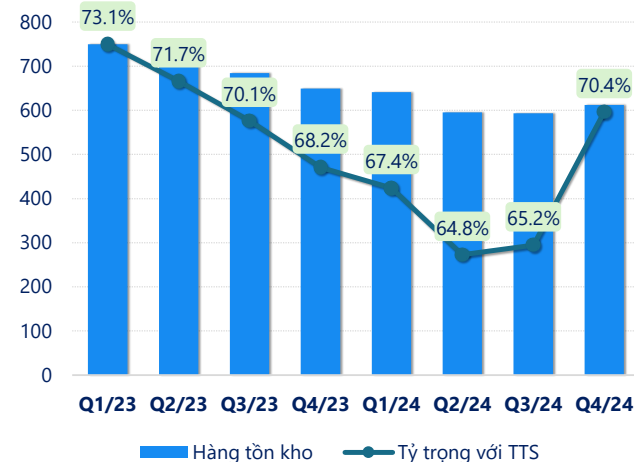
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


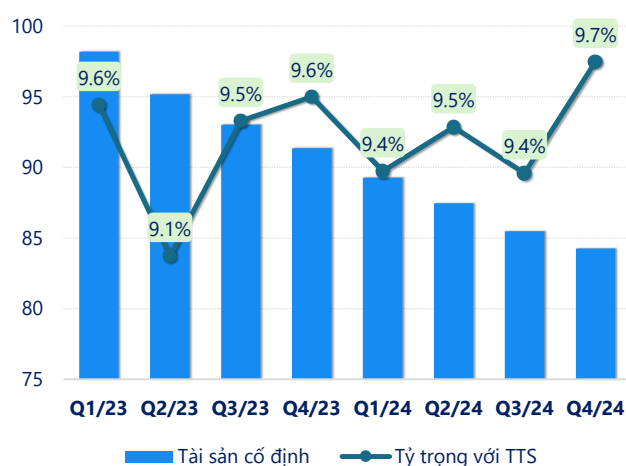
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


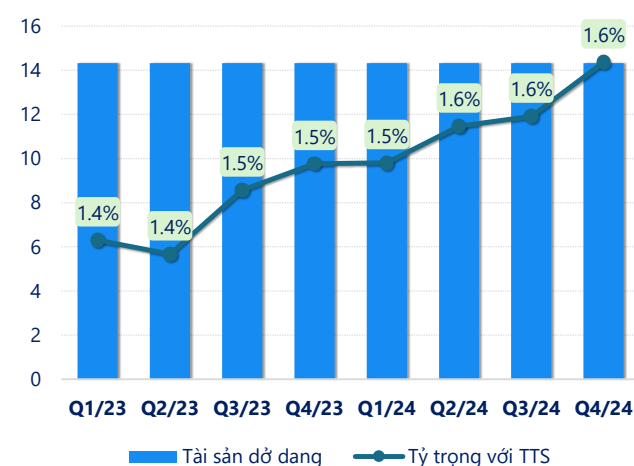
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

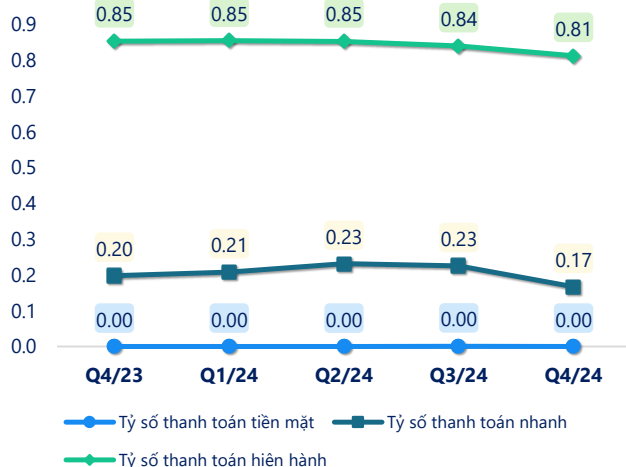
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

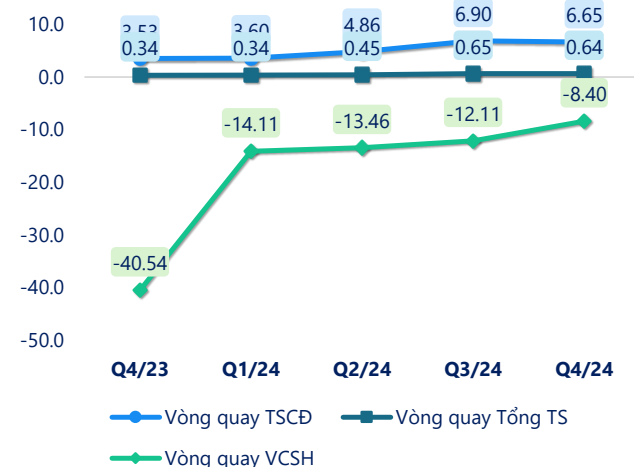
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	952	951	919	911	869
Tài sản ngắn hạn	846	847	817	811	770
Tiền và tương đương tiền	0.10	0.16	0.09	0.56	0.06
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.5	14.5	14.5	14.5	0
Phải thu ngắn hạn	179	189	204	198	156
Hàng tồn kho	649	641	595	594	612
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	2.71	3.37	4.69	2.08
Tài sản dài hạn	106	104	102	99.8	98.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	91.4	89.3	87.5	85.5	84.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.3	14.3	14.3	14.3	14.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.01	0.01	0.01	0.00
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,002	1,001	969	976	957
Nợ ngắn hạn	992	991	959	966	948
Vay và nợ thuê ngắn hạn	405	405	407	406	361
Phải trả người bán ngắn hạn	225	225	192	102	84.5
Nợ dài hạn	10.5	10.3	10.1	9.85	9.48
Vay và nợ thuê dài hạn	10.5	10.3	10.1	9.85	9.48
Nguồn vốn chủ sở hữu	-50.6	-50.7	-49.5	-65.0	-88.5
Vốn chủ sở hữu	-50.6	-50.7	-49.5	-65.0	-88.5
Vốn điều lệ	354	354	354	354	354
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)